

Số: 144 /KH-UBND

Kiên Giang, ngày 25 tháng 9 năm 2020

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030
theo Quyết định số 957/QĐ-TTg ngày 06/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

Thực hiện Quyết định số 957/QĐ-TTg ngày 06/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030; Công văn số 4986/BNN-PCTT ngày 28/7/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc triển khai thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030.

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030 theo Quyết định số 957/QĐ-TTg ngày 06/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, như sau:

I. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm.

- Phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển nhằm đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản của Nhân dân, công trình phòng chống thiên tai, cơ sở hạ tầng, ổn định dân sinh là nhiệm vụ của các cấp, ngành, đặc biệt là của chính quyền địa phương, là trách nhiệm của các tổ chức, doanh nghiệp và toàn dân.

- Phải chủ động phòng ngừa sạt lở; khi xây dựng, phê duyệt các quy hoạch, kế hoạch phát triển của các ngành, địa phương, đặc biệt là xây dựng các khu đô thị, dân cư, công nghiệp, dịch vụ, cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển phải đề phòng nguy cơ sạt lở và không làm tăng nguy cơ sạt lở. Khi xảy ra sạt lở phải tập trung ứng phó, khắc phục kịp thời, hiệu quả giảm thiểu thiệt hại.

- Phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển cần được thực hiện đồng bộ; xử lý cấp bách trước mắt, đồng thời có giải pháp căn cơ lâu dài; kết hợp giải pháp công trình và phi công trình, không làm tăng nguy cơ sạt lở, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ và phát triển rừng ngập mặn, phòng hộ ven biển và tạo sinh kế cho người dân.

- Phòng, chống sạt lở phải được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên bảo đảm an toàn hệ thống đê điều, khu dân cư tập trung, cơ sở hạ tầng quan trọng, chống suy thoái rừng phòng hộ ven biển tại những khu vực xói lở nghiêm trọng không thể phục hồi.

- Đề cao sự tham gia của cộng đồng đối với công tác quản lý bờ, lòng sông, vùng ven biển; tăng cường huy động nguồn lực ngoài ngân sách, nhất là của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân được hưởng lợi trong phòng, chống sạt lở.

- Ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, ưu tiên ứng dụng công nghệ mới, thân thiện với môi trường, dễ thi công, có thể sử dụng nhiều lần, giá thành phù



hợp, kết hợp với giải pháp truyền thống. Quản lý hiệu quả nguồn nước, giảm thiểu các yếu tố tác động gây sạt lở bờ sông, bờ biển.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Chủ động quản lý, phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, tạo điều kiện ổn định và phát triển kinh tế - xã hội khu vực ven sông, ven biển, góp phần đảm bảo an ninh, quốc phòng.

b) Mục tiêu cụ thể

- Điều tra, đánh giá, cập nhật cơ sở dữ liệu về sạt lở bờ sông, bờ biển. Phấn đấu đến năm 2023 cơ bản hoàn thành công tác cập nhật hiện trạng sạt lở bờ sông, bờ biển lên bản đồ Wedgis về hiện trạng sạt lở, công trình phòng chống sạt lở khu vực tỉnh Kiên Giang.

- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, giám sát sạt lở và quản lý bờ sông, lòng sông, bờ biển, giảm thiểu tác động làm gia tăng nguy cơ sạt lở; phấn đấu đến năm 2023 các khu dân cư ven sông, ven biển ở vùng có nguy cơ xảy ra sạt lở đều được cảnh báo kịp thời và được hướng dẫn kỹ năng ứng phó khi xảy ra sạt lở.

- Quản lý chặt chẽ việc xây dựng công trình, nhà cửa tại khu vực ven sông, ven biển. Chủ động sắp xếp lại dân cư, di dời dân cư ra khỏi khu vực có nguy cơ xảy ra sạt lở bờ sông, bờ biển, phấn đấu đến năm 2030 hoàn thành 90% việc di dời các hộ dân ra khỏi khu vực có nguy cơ cao xảy ra sạt lở.

- Phấn đấu đến năm 2025, hoàn thành xử lý sạt lở tại các khu vực trọng điểm xung yếu, ảnh hưởng trực tiếp đến khu dân cư tập trung, hệ thống đê điều, cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng ven sông, ven biển.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ

- Đẩy mạnh truyền thông, nâng cao nhận thức của tổ chức, cá nhân về phòng, chống sạt lở nhằm giảm nguy cơ sạt lở, rủi ro do sạt lở.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu liên quan đến sạt lở bờ sông, bờ biển.

- Tăng cường quản lý chặt chẽ các hoạt động ven sông, ven biển ảnh hưởng đến sạt lở.

- Hiện đại hóa công tác quan trắc, dự báo, kịp thời cảnh báo nguy cơ sạt lở bờ sông, bờ biển.

- Triển khai ứng dụng khoa học công nghệ, vật liệu mới phù hợp với điều kiện cụ thể của từng khu vực để phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển.

- Xây dựng công trình tại các khu vực trọng điểm để phòng, chống sạt lở, bảo vệ an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân và công trình hạ tầng thiết yếu.

2. Giải pháp

a) Rà soát các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển trên địa bàn tỉnh.

- Rà soát, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, HĐND tỉnh để tăng cường quản lý các hoạt động tại khu vực ven sông, ven biển (nhất là quản lý xây dựng công trình, nhà cửa ven sông) và xử lý



sạt lở bờ sông, bờ biển để chủ động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sạt lở, bảo đảm an toàn tính mạng, hạn chế thiệt hại tài sản của Nhân dân và Nhà nước.

- Rà soát các văn bản quy định về quản lý đầu tư, đất đai, lâm nghiệp, biển và lĩnh vực khác có liên quan để đề xuất sửa đổi, bổ sung, tạo điều kiện xây dựng cơ chế, chính sách nhằm huy động nguồn lực ngoài ngân sách, khuyến khích khối tư nhân đầu tư xây dựng công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng ngập mặn ven biển.

- Xây dựng và hoàn thiện các quy định nhằm khuyến khích nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu, áp dụng các chính sách hỗ trợ di dời dân cư khỏi khu vực sạt lở và khu vực có nguy cơ xảy ra sạt lở gắn với sinh kế, ổn định đời sống của người dân.

b). Tổ chức điều tra cơ bản, xây dựng cơ sở dữ liệu, thiết kế quy hoạch.

Phối hợp với các Viện, Trường trong nghiên cứu về phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển trên địa bàn tỉnh nhằm triển khai các nhiệm vụ sau:

- Điều tra cơ bản về sạt lở, dân cư và công trình hạ tầng ven sông, ven biển trên cơ sở đó xây dựng cơ sở dữ liệu về sạt lở, dân cư và công trình phòng, chống sạt lở, trong đó ưu tiên thực hiện tại những khu vực đang có diễn biến sạt lở và có nguy cơ cao xảy ra sạt lở trên các hệ thống sông chính.

- Điều tra, đánh giá diễn biến bùn cát và các yếu tố thủy, hải văn có tác động đến sạt lở bờ sông, bờ biển.

- Nghiên cứu xây dựng Phương án tổng thể chinh trị và phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển trên địa bàn tỉnh để phù hợp quy hoạch phòng, chống thiên tai, thủy lợi, quy hoạch vùng, phù hợp với các quy định của pháp luật về quy hoạch và quy định pháp luật khác có liên quan.

c). Triển khai thực hiện các giải pháp cấp bách trước mắt, giải pháp căn cơ lâu dài, các công trình, phi công trình để phòng, chống sạt lở.

- Giải pháp cấp bách:

+ Tổ chức cắm biển cảnh báo tại những khu vực bị sạt lở và có nguy cơ cao xảy ra sạt lở.

+ Kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác đất, cát trên sông và vùng ven biển, đảo, khắc phục tình trạng mất cân bằng bùn cát để hạn chế nguy cơ sạt lở; ngăn chặn triệt để tình trạng khai thác đất, cát trái phép, không xin phép.

+ Tổ chức di dời khẩn cấp các hộ dân ra khỏi khu vực bờ sông, bờ biển bị sạt lở, bố trí tái định cư theo các hình thức tái định cư xen ghép hoặc xây dựng khu tái định cư tập trung phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương.

+ Xây dựng các công trình khắc phục sự cố sạt lở ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn dân cư, cơ sở hạ tầng quan trọng ven sông, ven biển và rừng phòng hộ ven biển, đặc biệt là rừng ngập mặn bảo vệ trực tiếp đê biển.

+ Kiểm soát, quản lý chặt chẽ việc xây dựng, nâng cấp nhà ở, công trình ven sông, ven biển tránh bị ảnh hưởng do sạt lở và làm gia tăng nguy cơ sạt lở. Đồng thời, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về lĩnh vực xây dựng và công trình thủy lợi trong hành lang bảo vệ nguồn nước.

+ Quản lý, kiểm soát hoạt động của phương tiện giao thông đường thủy nhằm giảm thiểu tác động gây sạt lở, nhất là trên các tuyến kênh, rạch.

- Giải pháp lâu dài:

+ Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức của người dân, cơ quan, tổ chức về phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển.

+ Quy hoạch sắp xếp lại dân cư, chủ động di dời các hộ dân tại khu vực có nguy cơ sạt lở, trước hết là tại các khu vực có nguy cơ sạt lở cao.

+ Xây dựng hệ thống quan trắc, theo dõi, giám sát diễn biến sạt lở, lòng dẫn.

+ Xây dựng các công trình chỉnh trị sông nhằm giữ ổn định tỷ lệ phân lưu, ổn định dòng chảy, hình thái sông, bờ sông, bờ biển tại các khu vực trọng điểm, vùng cửa sông, ven biển có diễn biến bồi, xói phức tạp.

+ Xây dựng công trình phòng, chống sạt lở bảo vệ khu đô thị, khu dân cư tập trung có nguy cơ sạt lở theo quy hoạch, kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

+ Triển khai thực hiện các dự án bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng phòng hộ, nhất là rừng ngập mặn ven biển, trồng cây chắn sóng để phòng chống sạt lở; đẩy mạnh xã hội hóa công tác đầu tư, quản lý, khai thác phù hợp gắn với trách nhiệm trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng ngập mặn ven biển.

d). Khoa học- công nghệ:

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học- công nghệ phục vụ phòng, chống sạt lở:

- Ứng dụng vật liệu mới thay thế cát sử dụng trong xây dựng, đề xuất các giải pháp thay thế cát san lấp, tiến tới không sử dụng cát để san lấp.

- Phối hợp với các Viện, Trường trong công tác đánh giá ảnh hưởng của việc khai thác nước ngầm, suy giảm bùn cát đến sạt lở bờ sông, bờ biển trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu, đánh giá ảnh hưởng của sự thay đổi chế độ dòng chảy, bùn cát, sụt lún đất đến sạt lở bờ sông, bờ biển trên các sông chính.

- Ứng dụng công nghệ, vật liệu mới trong phòng, chống sạt lở phù hợp với điều kiện từng khu vực, thân thiện môi trường, giảm chi phí đầu tư.

đ) Huy động nguồn lực: chủ động bố trí ngân sách của tỉnh, tranh thủ sự hỗ trợ từ Trung ương; đồng thời, tăng cường huy động các nguồn lực ngoài ngân sách, đặc biệt là nguồn lực từ khối tư nhân, doanh nghiệp và người dân được hưởng lợi cho công tác phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển.

III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

1. Kế hoạch thực hiện

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của từng sở, ngành, cơ quan, đơn vị để chủ động triển khai thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ trong công tác phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển trên địa bàn tỉnh (theo Phụ lục 1).

- Kế hoạch triển khai các dự án, công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030 được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên (theo Phụ lục 2, 3).

2. Kinh phí thực hiện



Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch bao gồm: ngân sách nhà nước (Trung ương, địa phương); Quỹ Phòng, chống thiên tai và các nguồn vốn hợp pháp khác.

a) Ngân sách hỗ trợ từ Trung ương:

- Ra soát, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách trên địa bàn tỉnh.

- Điều tra cơ bản, xây dựng cơ sở dữ liệu, nghiên cứu quy hoạch và xây dựng phương án tổng thể chính trị và phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển để cập nhật vào quy hoạch phòng chống thiên tai, thủy lợi.

- Thực hiện chương trình, đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học- công nghệ để phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển.

- Xây dựng các công trình có tính chất kỹ thuật phức tạp để chính trị sông, ổn định cửa sông, vùng ven biển.

- Hỗ trợ địa phương theo quy định của pháp luật để khắc phục sự cố sạt lở cấp bách, đầu tư xây dựng công trình phòng, chống sạt lở quan trọng vượt quá khả năng của ngân sách của tỉnh.

b) Ngân sách địa phương và Quỹ Phòng, chống thiên tai để triển khai các nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống sạt lở thuộc trách nhiệm của tỉnh và đầu tư xây dựng, quản lý, duy tu bảo dưỡng công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

c) Nguồn vốn xã hội hóa để thực hiện các biện pháp phòng, chống sạt lở nhằm bảo vệ công trình, tài sản của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và đầu tư xây dựng công trình phòng, chống sạt lở theo cơ chế, chính sách huy động vốn ngoài ngân sách của cấp có thẩm quyền.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của ngành, địa phương, chủ động, tích cực triển khai thực hiện Kế hoạch này; bảo đảm việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo đúng tiến độ, chất lượng và hiệu quả. Định kỳ hàng năm, đột xuất các sở, ban ngành có liên quan và địa phương báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các sở, ban ngành chức năng; Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ nêu trong Kế hoạch theo đúng tiến độ và định kỳ, đột xuất tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện cho Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương có liên quan theo Quyết định số 957/QĐ-TTg ngày 06/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 4986/BNN-PCTT ngày 28/7/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Căn cứ vào Kế hoạch, các địa phương xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết, sát với tình hình thực tế và điều kiện của từng địa phương nhằm chủ động, kịp thời trong công tác phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển.



Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc; đề nghị các sở, ban ngành chức năng và các địa phương gửi báo cáo, đề xuất về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết hoặc bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch kịp thời, theo đúng quy định./

Dac

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: NN&PTNT, KH&ĐT, TC;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành tỉnh (Đảng, CQ, ĐT&DNNN);
- UBND các huyện, TP;
- LĐVP, Phòng: KT, TH;
- Lưu: VT, tvhung

CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]

Đỗ Thanh Bình



**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÒNG, CHỐNG SẠT LỞ BỜ SÔNG, BỜ BIỂN ĐẾN NĂM 2030
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**

(Kèm theo Kế hoạch số 144 /KH-UBND ngày 25/9 /2020 của UBND tỉnh Kiên Giang)

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	- Điều phối chung, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch, đánh giá kết quả thực hiện, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND các huyện, thành phố; các Viện, Trường và cơ quan, đơn vị có liên quan.	Hàng năm
	- Khảo sát, thống kê, di dời dân cư khẩn cấp ra khỏi các khu vực sạt lở đặc biệt nguy hiểm và nguy hiểm; từng bước sắp xếp lại dân cư, di dời dân cư ra khỏi các khu vực có nguy cơ sạt lở cao, kết hợp với tái định cư, ổn định đời sống cho người dân.			2020-2030
	- Cấm biển cảnh báo tại các khu vực sạt lở bờ sông, bờ biển.			2020-2023
	- Tổ chức điều tra cơ bản, xây dựng cơ sở dữ liệu về sạt lở, công trình phòng, chống sạt lở và công trình hạ tầng ven sông, ven biển. - Theo dõi, quan trắc, dự báo, cảnh báo nguy cơ sạt lở bờ sông, bờ biển trên địa bàn tỉnh. Cập nhật hiện trạng sạt lở bờ sông, bờ biển lên bản đồ Wedgis.			2020-2023



TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	<p>- Rà soát, hoàn thiện quy định trên địa bàn tỉnh để nâng cao hiệu quả, tăng cường quản lý các hoạt động tại khu vực ven sông, ven biển và xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển để chủ động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sạt lở; xây dựng, hoàn thiện các quy định về lâm nghiệp để tạo điều kiện huy động nguồn lực ngoài ngân sách đầu tư phòng, chống sạt lở, bảo vệ và khôi phục rừng phòng hộ, rừng ngập mặn ven biển; đề xuất, xây dựng cơ chế nhằm tạo điều kiện thu hút đầu tư ngoài ngân sách cho phòng, chống sạt lở, hỗ trợ di dời dân cư khỏi khu vực sạt lở và khu vực có nguy cơ cao xảy ra sạt lở; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, hướng dẫn địa phương thực hiện các giải pháp công nghệ để phòng, chống sạt lở phù hợp với điều kiện từng vùng, thích ứng với biến đổi khí hậu.</p> <p>- Tham mưu, đề xuất các biện pháp, giải pháp thích hợp chủ động phòng ngừa và khắc phục sạt lở bờ sông, bờ biển.</p> <p>- Tổ chức triển khai xây dựng các công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, trong đó, tập trung xử lý khẩn cấp các khu vực sạt lở đặc biệt nguy hiểm, nguy hiểm theo thứ tự ưu tiên tại <i>Phụ lục 2, 3</i>.</p> <p>- Phân đầu đến năm 2025, hoàn thành xử lý sạt lở tại các khu vực trọng điểm, xung yếu, ảnh hưởng trực tiếp các khu dân cư tập trung, hệ thống đê điều, cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng ven sông, ven biển, ven đảo.</p>			<p>2020-2030</p> <p>2020-2030 (Theo giai đoạn thực hiện)</p>
2	<p>Triển khai đầu tư xây dựng thực hiện các dự án, công trình xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thi công hoàn thành các công trình theo đúng tiến độ, kế hoạch đề ra.</p>	<p>Ban Quản lý Dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp & PTNT tỉnh</p>	<p>Các sở, ban ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan; UBND các huyện, thành phố.</p>	<p>2020-2030 (theo giai đoạn thực hiện)</p>

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
3	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp khai thác trái phép đất, cát lòng sông, ven sông, viên biển, đảo trên địa bàn tỉnh. - Tổ chức điều tra, đánh giá diễn biến bùn cát, thực trạng khai thác cát, sỏi và các yếu tố thủy, hải văn có tác động đến sạt lở bờ sông, bờ biển; hướng dẫn kiểm soát các hoạt động khai thác đất, cát, sỏi lòng sông, giảm thiểu nguy cơ sạt lở. - Thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển. - Kiểm tra giám sát việc thực hiện nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển. 	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan; UBND các huyện, thành phố.	Hàng năm
4	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát các công trình hạ tầng giao thông trên sông, ven sông, ven biển, có biện pháp bảo đảm an toàn và giảm tác động gây sạt lở. - Tăng cường quản lý quy hoạch, xây dựng mới công trình giao thông, nạo vét luồng lạch và hoạt động của các phương tiện giao thông đường thủy nội địa, tránh làm gia tăng nguy cơ sạt lở bờ sông, bờ biển. 	Sở Giao thông Vận tải	Các Sở, ban ngành có liên quan; UBND các huyện, thành phố.	Hàng năm
5	Lập quy hoạch di dời, sắp xếp các khu dân cư, công trình kiến trúc, kho tàng ra ngoài các khu vực có nguy cơ sạt lở, đảm bảo hành lang bảo vệ an toàn bờ sông, bờ biển theo quy định.	Sở Xây dựng	Các Sở, ban ngành; UBND các huyện, thành phố và cơ quan, đơn vị có liên quan.	Hàng năm

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
6	<p>Nghiên cứu, rà soát cơ chế chính sách, tạo điều kiện khuyến khích, hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển; chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan khoa học tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ, vật liệu mới để phòng, chống sạt lở phù hợp với điều kiện từng khu vực, tập trung vào các giải pháp mềm, thân thiện môi trường, giảm chi phí đầu tư.</p>	<p>Các Sở: Khoa học và Công nghệ; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p>	<p>Các Sở, ban ngành; UBND các huyện, thành phố và các viện, trường, cơ quan khoa học có liên quan.</p>	<p>Hàng năm</p>
7	<p>Tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn vốn và hướng dẫn các địa phương cân đối, bố trí vốn đầu tư trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm cho công tác quy hoạch và thực hiện các công trình, dự án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, di dời dân cư ra khỏi khu vực bị sạt lở.</p>	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>	<p>Các Sở: Nông nghiệp & PTNT, Tài chính; UBND các huyện, thành phố; các đơn vị có liên quan</p>	<p>Hàng năm</p>
8	<p>- Tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí sự nghiệp để thực hiện Kế hoạch này thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. - Bố trí nguồn lực để kịp thời hỗ trợ khắc phục khẩn cấp sự cố sạt lở, di dời dân cư khẩn cấp ra khỏi khu vực sạt lở theo chỉ đạo của Ủy ban nhân tỉnh, quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, phòng, chống thiên tai.</p>	<p>Sở Tài chính</p>	<p>Các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư; UBND các huyện, thành phố.</p>	<p>Hàng năm</p>
9	<p>- Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức của các tổ chức và người dân về phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển. - Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức cắm</p>	<p>UBND các huyện, thành phố</p>	<p>Các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Thông tin & TT; UBND các</p>	<p>Hàng năm</p>

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	<p>biên cảnh báo tại các khu vực sạt lở bờ sông, bờ biển.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm soát hoạt động khai thác đất, cát lòng sông, khu vực ven biển, nhất là tại các khu vực đã được cảnh báo có nguy cơ sạt lở; quản lý chặt chẽ vùng đất ven sông, ven biển không để xây dựng, nâng cấp nhà ở, công trình ven sông, ven biển làm tăng nguy cơ sạt lở, bị rủi ro do sạt lở. Bảo vệ và phát triển rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển, đẩy mạnh xã hội hóa công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, gắn với ổn định sinh kế cho người dân. - Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai công tác di dời dân cư khẩn cấp ra khỏi các khu vực sạt lở đặc biệt nguy hiểm và nguy hiểm; từng bước sắp xếp lại dân cư, di dời dân cư ra khỏi các khu vực có nguy cơ sạt lở cao, kết hợp với tái định cư, ổn định đời sống cho người dân. - Xây dựng công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển phù hợp nguồn vốn địa phương, trong đó: xây dựng công trình phòng, chống sạt lở bảo vệ khu đô thị, khu dân cư tập trung có nguy cơ sạt lở. - Triển khai ứng dụng công nghệ mới trong phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, phục hồi và phát triển rừng ngập mặn ven biển. 		<p>huyện, thành phố; các cơ quan, đơn vị có liên quan</p>	

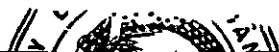


PHỤ LỤC 2:**Danh mục công trình sạt lở bờ sông, bờ biển theo thứ tự ưu tiên thực hiện giai đoạn năm 2020 -2025***(Kèm theo Kế hoạch số 144 /KH-UBND ngày 25/9/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang)*

STT	Dự án, công trình	Vị trí/địa danh	Chiều dài (m)	Phân loại sạt lở	Đề xuất giải pháp xử lý	Ước kinh phí thực hiện (tỷ đồng)		Thời gian thực hiện	Ghi Chú
						Trung ương	Địa phương		
I	Bờ biển		74,258			1,826	0		
1	Kè chống sạt lở khu vực mũi Rãnh	Xã Tây Yên, huyện An Biên	1,832	Đặc biệt nguy hiểm	Cọc ống BTLT D300	37		2020-2021	
2	Kè chống sạt lở khu vực Hòn Quéo	Xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất	4,000	Đặc biệt nguy hiểm	Cọc ống BTLT D300	100		2020-2021	
3	Kè chống sạt lở khu vực Xẻo Nhàu	Xã Tân Hạnh, huyện An Minh	4,326	Đặc biệt nguy hiểm	Cọc ống BTLT D300	85		2020-2021	
4	Kè chống sạt lở khu vực Tiểu Dừa - Mười Thân	Xã Vân Khánh - Vân Khánh Đông, huyện An Minh	10,000	Đặc biệt nguy hiểm	Cọc ống BTLT D300	200		2020-2022	
5	Kè chống sạt lở khu vực Chủ Vàng – Mười Thân	Xã Vân Khánh Đông, H. An Minh	4,000	Đặc biệt nguy hiểm	Cọc ống BTLT D300	100		2021-2022	



STT	Dự án, công trình	Vị trí/địa danh	Chiều dài (m)	Phân loại sạt lở	Đề xuất giải pháp xử lý	Ước kinh phí thực hiện (tỷ đồng)		Thời gian thực hiện	Ghi Chú
						Trung ương	Địa phương		
6	Kè chống sạt lở khu vực Xẻo Nhàu - Chủ Vàng	Huyện An Minh	7,000	Đặc biệt nguy hiểm	Cọc ống BTLT D300	140		2021-2022	
7	Kè chống sạt lở đoạn từ chùa Vạn Hoa vòng qua mũi Dừa đến nhà ông Tô Quang Hinh	Xã Dương Hòa, huyện Kiên Lương	3,000	Đặc biệt nguy hiểm	Kè tường đứng BTCT	120		2021-2022	
8	Kè chống sạt lở khu vực bãi Nam	Xã Hòn Nghệ, huyện Kiên Lương	200	Đặc biệt nguy hiểm	Kè tường đứng BTCT	8		2021-2022	
9	Kè chống sạt lở bờ biển đoạn từ đầu đường Xoa Áo - mũi Ông Cọp	Huyện Kiên Lương	400	Đặc biệt nguy hiểm	Kè tường đứng BTCT	16		2021-2022	
10	Kè chống sạt lở khu vực Hòn Trẹm	Huyện Kiên Lương	800	Đặc biệt nguy hiểm	Kè tường đứng BTCT	32		2021-2022	
11	Kè chống sạt lở khu vực bãi Cát Xi	Huyện Kiên Lương	200	Đặc biệt nguy hiểm	Kè tường đứng BTCT	8		2021-2022	



STT	Dự án, công trình	Vị trí/địa danh	Chiều dài (m)	Phân loại sạt lở	Đề xuất giải pháp xử lý	Ước kinh phí thực hiện (tỷ đồng)		Thời gian thực hiện	Ghi Chú
						Trung ương	Địa phương		
12	Kè chống sạt lở khu vực xã đảo Sơn Hải	Xã Sơn Hải, huyện Kiên Lương	2,500	Đặc biệt nguy hiểm	Kè tường đứng BTCT	80		2021-2022	
13	Kè chống sạt lở khu vực thứ Nhất - Xẻo Quao	Xã Tây Yên và Nam Thái, An Biên	15,000	Đặc biệt nguy hiểm	Cọc ống BTLT D300	375		2023-2024	
14	Kè chống sạt lở Khu vực huyện Hòn Đất	Xã Mỹ Lâm và Bình Giang, Hòn Đất	21,000	Đặc biệt nguy hiểm	Cọc ống BTLT D300	525		2024-2025	
II	Bờ sông		23,270			188	47.6		
1	Kè chống sạt lở bờ sông Cái Bé	Xã Minh Hòa, huyện Châu Thành	700	Đặc biệt nguy hiểm	Kè BTCT	20		2021-2023	
2	Kè chống sạt lở bờ sông xáng Xẻo Rô	Xã Hưng Yên và Đông Thái, huyện An Biên	700	Nguy hiểm	Kè đá hộc		7.5	2021-2023	
3	Kè chống sạt lở bờ kênh Rạch Giá - Hà Tiên bờ Đông Bắc	Xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất	2,600	Nguy hiểm	Kè đá hộc	26		2022-2024	
4	Kè chống sạt lở bờ kênh khu vực huyện Gò Quao	Huyện Gò Quao	1,900	Nguy hiểm	Kè cọc BTCT		31.4	2022-2024	

STT	Dự án, công trình	Vị trí/địa danh	Chiều dài (m)	Phân loại sạt lở	Đề xuất giải pháp xử lý	Ước kinh phí thực hiện (tỷ đồng)		Thời gian thực hiện	Ghi Chú
						Trung ương	Địa phương		
5	Kè chống sạt lở bờ kênh đoạn kênh TT- xã Thủy Liễu	Xã Thủy Liễu, huyện Gò Quao	7,800	Nguy hiểm	Kè đá học	55		2022-2024	
6	Kè chống sạt lở bờ Tây kênh ông Kiểm	Xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất	3,200	Nguy hiểm	Kè đá học	32		2023-2025	
7	Kè chống sạt lở bờ kênh khu vực huyện Hòn Đất	Xã Sơn Kiên - Bình Sơn, huyện Hòn Đất	870	Nguy hiểm	Kè đá học		8.7	2023-2025	
8	Kè chống sạt lở bờ kênh Hòn Sóc ấp Bến Đá	Xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất	2,500	Nguy hiểm	Kè đá học	25		2023-2025	
9	Kè chống sạt lở bờ kênh khu vực huyện U Minh Thượng	Xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng	3,000	Nguy hiểm	Kè đá học	30		2023-2025	



PHỤ LỤC 3:**Danh mục công trình sạt lở bờ sông, lở bờ biển theo thứ tự ưu tiên thực hiện giai đoạn 2026-2030***(Kèm theo Kế hoạch số 1111 /KH-UBND ngày 25/9 /2020 của UBND tỉnh Kiên Giang)*

STT	Dự án, công trình	Vị trí/địa danh	Chiều dài (m)	Phân loại sạt lở	Đề xuất giải pháp xử lý	Ước kinh phí đề xuất (tỷ đồng)		Thời gian thực hiện	Ghi Chú
						Trung ương	Địa phương		
I	Bờ biển: Danh mục dự án, công trình cập nhật khi phát sinh								
II	Bờ sông		182,314			1,710.10	52		
1	Kè chống sạt lở bờ kênh xáng Xẻo Rô	Huyện An Minh	10,800	Bình thường	Kè đá hộc	108		2026-2028	
2	Kè chống sạt lở bờ kênh Chổng Mỹ	Huyện An Minh	13,600	Bình thường	Kè đá hộc	136		2026-2028	
3	Kè chống sạt lở bờ kênh KT1	Huyện An Minh	8,800	Bình thường	Kè đá hộc	88		2026-2028	
4	Kè chống sạt lở bờ kênh Xẻo Quao	Huyện An Minh	9,200	Bình thường	Kè đá hộc	92		2026-2028	
5	Kè chống sạt lở bờ kênh Thứ 8	Huyện An Minh	5,200	Bình thường	Kè đá hộc	52		2026-2028	
6	Kè chống sạt lở bờ kênh Thứ 9	Huyện An Minh	4,800	Bình thường	Kè đá hộc	48		2026-2028	



STT	Dự án, công trình	Vị trí/địa danh	Chiều dài (m)	Phân loại sạt lở	Đề xuất giải pháp xử lý	Ước kinh phí đề xuất (tỷ đồng)		Thời gian thực hiện	Ghi Chú
						Trung ương	Địa phương		
7	Kè chống sạt lở bờ kênh Thứ 10	Huyện An Minh	4,800	Bình thường	Kè đá học	48		2026-2028	
8	Kè chống sạt lở bờ kênh Xéo Nhất	Huyện An Minh	2,800	Bình thường	Kè đá học	28		2026-2028	
9	Kè chống sạt lở bờ kênh Thứ 9 Rươi	Huyện An Minh	4,600	Bình thường	Kè đá học	46		2026-2028	
10	Kè chống sạt lở bờ kênh ông Đường và kênh Nông Trường	Huyện An Minh	4,200	Bình thường	Kè đá học	42		2026-2028	
11	Kè chống sạt lở bờ kênh Thứ 10- Rọ Ghe	Huyện An Minh	4,400	Bình thường	Kè đá học	44		2026-2028	
12	Kè chống sạt lở bờ kênh Chủ Vàng	Huyện An Minh	4,400	Bình thường	Kè đá học	44		2026-2028	
13	Kè chống sạt lở bờ kênh Mương Đào	Huyện An Minh	2,400	Bình thường	Kè đá học	24		2026-2028	
14	Kè chống sạt lở bờ kênh Kim Quy	Huyện An Minh	4,400	Bình thường	Kè đá học	44		2026-2028	
15	Kè chống sạt lở bờ kênh Tiêu Dừa và rạch cái Kim Qui	Huyện An Minh	4,600	Bình thường	Kè đá học	46		2026-2028	
16	Kè chống sạt lở bờ kênh 5 Đất Sét	Huyện An Minh	3,600	Bình thường	Kè đá học	36		2026-2028	

STT	Dự án, công trình	Vị trí/địa danh	Chiều dài (m)	Phân loại sạt lở	Đề xuất giải pháp xử lý	Ước kinh phí đề xuất (tỷ đồng)		Thời gian thực hiện	Ghi Chú
						Trung ương	Địa phương		
17	Kè chống sạt lở bờ kênh lung Cán Gáo	Huyện An Minh	6,000	Bình thường	Kè đá học	60		2026-2028	
18	Kè chống sạt lở bờ kênh Xáng I	Huyện An Minh	3,000	Bình thường	Kè đá học	30		2026-2028	
19	Kè chống sạt lở bờ kênh Xáng II	Huyện An Minh	3,000	Bình thường	Kè đá học	30		2026-2028	
20	Kè chống sạt lở bờ kênh Xáng III	Huyện An Minh	3,000	Bình thường	Kè đá học	30		2026-2028	
21	Kè chống sạt lở bờ kênh Hăng	Huyện An Minh	4,000	Bình thường	Kè đá học	40		2026-2028	
22	Kè chống sạt lở bờ kênh 10 Quang	Huyện An Minh	4,000	Bình thường	Kè đá học	40		2026-2028	
23	Kè chống sạt lở bờ kênh Phán Linh	Huyện An Minh	4,000	Bình thường	Kè đá học	40		2026-2028	
24	Kè chống sạt lở bờ kênh 3000 và rạch Bàu Môn	Xã Hưng Yên, huyện An Biên	3,500	Bình thường	Kè đá học		35	2027-2030	
25	Kè chống sạt lở bờ kênh	Huyện Giồng Riềng	1,700	Bình thường	Kè đá học		17	2027-2030	

STT	Dự án, công trình	Vị trí/địa danh	Chiều dài (m)	Phân loại sạt lở	Đề xuất giải pháp xử lý	Ước kinh phí đề xuất (tỷ đồng)		Thời gian thực hiện	Ghi Chú
						Trung ương	Địa phương		
26	Kè chống sạt lở bờ kênh khu vực huyện Hòn Đất	Huyện Hòn Đất	25,240	Bình thường	Kè đá hộc	190.8		2027-2030	
27	Kè chống sạt lở bờ kênh khu vực huyện U Minh Thượng	Thanh Yên - Thanh Yên A - Hòa Chánh, huyện U Minh Thượng	9,354	Bình thường	Kè đá hộc	93.6		2027-2030	
28	Kè chống sạt lở bờ kênh khu vực huyện Châu Thành	Huyện Châu Thành	5,000	Bình thường	Kè đá hộc	50		2027-2030	
29	Kè chống sạt lở bờ kênh khu vực huyện Giang Thành	Huyện Giang Thành	6,020	Bình thường	Kè đá hộc	60.7		2027-2030	
30	Kè chống sạt lở lộ tá ngạn Kênh Rạch Giá-Long Xuyên	Phi Thông	6,000	Bình thường	Kè đá hộc	60		2027-2030	
31	Kè chống sạt lở bờ kênh Tà Keo	Phi Thông	5,900	Bình thường	Kè đá hộc	59		2027-2030	

